

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Diễn

Ông Trần Văn Chánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên hệ: phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Bà T, sinh năm 1997.

Địa chỉ liên hệ: Công ty luật d, đường D, phường V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**Bị đơn:** Bà Y, sinh năm 1978

Địa chỉ: Phường A, thành phố B, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, bà Y có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà T trình bày: Ngày 06/8/2019 bà L có cho bà Y mượn số tiền 30.000.000 đồng. Bà L chỉ cho một mình bà Y mượn, không liên quan tới chồng bà Y. Khi mượn hai bên có làm giấy mượn tiền, thỏa thuận 04 tháng sau đúng tháng 12/2019 (âm lịch) thì bà Y trả lại tiền cho bà L, việc mượn tiền không có lãi. Đến hạn trả tiền ngày 06/01/2020 (là tháng 12/2019 âm lịch) bà Y không thanh toán tiền cho bà L. Nay bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Y thanh toán tiền gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Bà Y khai đã thanh toán tiền lãi cho bà L 5.000.000 đồng là không đúng, vì khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất nên không có việc bà Y trả lãi cho bà L.

Nay bà Y đồng ý thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thì bà L đồng ý nhưng phải thanh toán một lần, bà L không đồng ý cho bà Y thanh toán mỗi tháng 500.000 đồng.

**Bị đơn bà Y trình bày:** Ngày 06/8/2019 tôi có mượn của bà L số tiền 30.000.000 đồng. Việc vay mượn chỉ một mình tôi biết, chồng tôi không biết khoản vay này do tôi mượn tiêu xài cá nhân một mình. Khi mượn hai bên có làm giấy mượn tiền, thỏa thuận 04 tháng sau đúng tháng 12/2019 (âm lịch) thì tôi sẽ trả lại tiền cho bà L, trong giấy mượn tiền không có tính lãi nhưng thực tế chúng tôi có thỏa thuận với nhau mỗi tháng tôi thanh toán cho bà L 3.000.000 đồng, tức lãi suất 10%/tháng. Sau khi mượn tiền tôi đã thanh toán cho bà L tiền lãi 2.000.000 đồng vào ngày 06.9.2019 và ngày 08.9.2019 tôi thanh toán 1.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 06.10.2019 tôi thanh toán tiếp số tiền lãi 2.000.000 đồng. Khi trả tiền lãi tôi không có làm giấy biên nhận nhưng tôi có ghi âm lại.

Đến hạn trả tiền ngày 06/01/2020 (là tháng 12/2019 âm lịch) tôi không có khả năng thanh toán tiền cho bà L do tôi bị mất việc làm, tôi có thương lượng sẽ thanh toán cho bà L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền 30.000.000 đồng. Bà L không chịu còn hăm dọa, cho người đến nhà tôi canh chừng không xong còn đăng cả gia đình tôi lên trang mạng xã hội làm mất danh dự chồng con tôi, có cả con gái mới 8 tuổi. Đêm giao thừa còn đến nhà tôi gây rối, mất trật tự an ninh phải cầu cứu đến Công an để giải quyết. Bà L vẫn đứng la lối, cả xóm ai cũng phàn nàn.

Bản thân tôi đã mượn tiền của bà L là sai, giờ tôi không có sức lao động nên tôi xin bà miễn tiền lãi cho tôi. Tôi đồng ý thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng cho bà L nhưng tôi xin thanh toán mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi tôi thanh toán xong số tiền. Đối với số tiền lãi 5.000.000 đồng tôi đã thanh toán cho bà L do bà L không thừa nhận, tôi không có chứng cứ nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng qui định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đất văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà Y phải trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng. Bà Y phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Y hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà Y thừa nhận vào ngày 06/8/2019 bà có mượn của bà L số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận 04 tháng sau đúng tháng 12/2019 âm lịch, tức ngày 06/01/2020 thì bà Y sẽ trả lại tiền cho bà L, trong giấy mượn tiền không có tính lãi nhưng thực tế có thỏa thuận mỗi tháng bà Y thanh toán cho bà L 3.000.000 đồng, tức lãi suất 10%/tháng. Sau khi mượn tiền bà Y đã thanh toán cho bà L được 5.000.000 đồng tiền lãi. Khi trả tiền lãi không có làm giấy biên nhận nhưng bà có ghi âm, nay bà L không thừa nhận thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền lãi trên vì không cung cấp được chứng cứ. Trong khi bà L khẳng định bà Y chưa thanh toán cho bà được đồng nào, đến hạn trả nợ bà Y không chịu trả nên bà khởi kiện ra Tòa yêu cầu bà Y thanh toán số tiền gốc cho bà 30.000.000 đồng và tiền lãi 2.357.000 đồng. Nay bà L không yêu cầu tiền lãi, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng và thanh toán một lần. Bà Y đồng ý thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng cho bà L nhưng xin thanh toán mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi thanh toán xong số tiền.

Như vậy, việc bà Y vay của bà L 30.000.000 đồng tiền gốc là có thật, bà Y đồng ý thanh toán số tiền gốc 30.000.000 đồng cho bà L nhưng xin thanh toán mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi thanh toán xong số tiền bà L không đồng ý. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà Y phải thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Từ sự nhận định trên, căn cứ theo qui định tại các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà Y phải trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng.

[3] Về án phí DSST: Bà Y phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm, trả lại cho bà L số tiền 869.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008583 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

[4] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 39, 203, 207, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của bà L.

Buộc bà Y phải trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Án phí DSST: Bà Y phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm, trả lại cho bà L số tiền 869.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008583 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân TP B;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP B;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**Nguyễn Thị Quyên**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**





